TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 186/2024/DS-PT
Ngày 30 – 12 – 2024
V/v tranh chấp đòi tiền thuê quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Thanh Dũng

Các Thẩm phán: Bà Giang Thị Cẩm Thúy

Ông Lê Phan Công Trí

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Công Hậu - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông Trương Trung Tín - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 158/2024/TLPT-DS, ngày 12 tháng 11 năm 2024, về việc tranh chấp đòi tiền thuê quyền sử dụng đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 65/2024/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2024, của Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 156/2024/QĐ-PT ngày 22 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị Phượng L, sinh năm 1969. Địa chỉ: ấp L, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

- Bị đơn: Ông Trần Thanh N, sinh năm 1967. Địa chỉ: ấp C, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Trần Thị T (đã chết). Địa chỉ: ấp T, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Trần Thị T:

1.1. Ông Phan Văn H (chồng bà T). Địa chỉ: ấp T, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt).

1.2. Ông Phan Văn H1 (con bà T). Địa chỉ: ấp T, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt).

1.3. Anh Phan Văn S (con bà T). Địa chỉ: ấp L, thị trấn P, tỉnh Bạc Liêu (có đơn xin vắng mặt).

1.4. Chị Phan Thị L1 (con bà T). Địa chỉ: ấp N, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu (có đơn xin vắng mặt).

1.5. Chị Phan Thị B (con bà T). Địa chỉ: ấp T, xã L, huyện H, tỉnh Bạc Liêu (có đơn xin vắng mặt).

1.6. Chị Phan Thị T1 (con bà T).Địa chỉ: ấp T, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu (có đơn xin vắng mặt).

1.7. Chị Phan Thị Thành T2 (con bà T). Địa chỉ: ấp T, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu (có đơn xin vắng mặt).

1.8. Ông Phan Văn B1 (con bà T). Địa chỉ: ấp T, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt).

2. Ông Trần Thanh L2 (đã chết). Địa chỉ: ấp T, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Trần Thanh L2:

2.1. Bà Võ Thị L3 (vợ ông L2 – vắng mặt)

2.2. Anh Trần Quang K (con ông L2 – vắng mặt)

2.3. Chị Trần Thị H2 (con ông L2 – vắng mặt)

2.4. Anh Trần Quang T3 (con ông L2 – vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp T, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

3. Ông Trần Văn V, sinh năm 1952. Địa chỉ: ấp C, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt).

4. Ông Trần Văn N1, sinh năm 1954. Địa chỉ: ấp H, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

5. Ông Trần Thanh H3, sinh năm 1958 (ông H3 ở Bạc Liêu). Địa chỉ: Khóm G, phường A, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (có đơn xin vắng mặt).

6. Ông Trần Thanh H3, sinh năm 1958 (ông H3 ở P). Địa chỉ: ấp L, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu (có đơn xin vắng mặt).

7. Ông Trần Văn C, sinh năm 1967. Địa chỉ: ấp T, thị trấn N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu (có đơn xin vắng mặt).

- ***Người kháng cáo:*** Bà Trần Thị Phượng L là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và khi tham gia tố tụng, nguyên đơn bà Trần Thị Phượng L trình bày: Cha mẹ bà có phần đất tọa lạc tại ấp C, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu do anh bà là ông Trần Văn C đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa 1147, tờ bản đồ số 24, diện tích 23.900m^2. Vào năm 2003 ông

Trần Thanh N, ấp C, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu có thuê toàn bộ phần đất này. Phần đất này cha mẹ bà đã cho ông C 10 công, còn lại 10 công lúc còn sống cha mẹ nói sau này qua đời để lại cho bà hưởng 10 công này. Lúc mẹ (cụ Dương Thị H4) còn sống, hàng năm ông N đều đặn đem số tiền thuê đất trên 10 công đất này trả cho cụ H4 nhận. Sau khi cụ H4 qua đời (ngày 23/02/2021), vào ngày 19/3/2022, ông Trần Thanh N có ký vào tờ xác nhận thừa nhận đất này cụ H4 cho bà L 10 công và cam kết sẽ giao tiền thuê đất trả cho bà L nhận mỗi năm là 20.000.000 đồng. Tuy nhiên kể từ năm 2022 đến năm 2023, ông Trần Thanh N không thực hiện đúng cam kết của mình, không trả tiền thuê đất cho bà. Do đó, bà yêu cầu ông Trần Thanh N có nghĩa vụ trả cho bà tiền thuê đất 02 năm từ năm 2022 đến năm 2023 là 40.000.000 đồng/10 công tầm cấy. Bà L không tranh chấp đất và không còn yêu cầu gì khác.

Bị đơn ông Trần Thanh N trình bày: Ông là em chú bác ruột với bà L (cha bà L thứ hai, còn cha ông là em thứ 8 trong gia đình). Năm 2003, ông có thuê phần đất khoảng 40 công tầm cấy, tọa lạc tại ấp C, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu. Trong đó đất của ông Trần Văn V khoảng 20 công và đất của ông Trần Văn C khoảng 20 công. Người đại diện đứng ra giao dịch thuê đất là ông Trần Văn V, vì đất của ông V và ông C nằm cặp bên nhau. Thời gian đầu giá thuê 12.000.000 đồng/01 năm/40 công tầm cấy, 3 năm sau giá thuê tăng lên theo thời gian đến năm 2021 đến nay là 2.000.000 công/01 công/01 năm. Việc thuê đất hai bên thỏa thuận bằng miệng không có làm giấy tờ. Theo đó cứ ngày 09 tháng hai âm lịch hằng năm ông giao đủ tiền thuê đất cho ông V đại diện nhận. Hàng năm cứ như thế các bên thực hiện giao kết với nhau. Riêng khoảng năm 2016 – 2017 thì ông V có kêu ông đưa tiền cho ông C nhưng năm đó ông gặp bác hai gái (cụ H4, mẹ của bà L sống cùng bà L) ở P và ông có đưa cho cụ H4 số tiền 40.000.000 đồng, sau đó ông C qua thăm bác hai thì bác hai có đưa lại cho ông C. Năm 2021 ông đưa tiền thuê đất 20 công với số tiền 40.000.000 đồng cho ông C. Còn từ năm 2022 và 2023 ông đưa tiền thuê đất này cho ông V đại diện nhận thay luôn cho phần của ông C. Giữa ông và cụ H4 hay bà L không có giao dịch thuê đất gì với nhau cả. Sau này bà L có đánh máy sẵn "Tờ xác nhận" rồi đưa ông ký tên. Khi ấy ông đọc không kỷ và bất cẩn suy nghĩ đơn giản và chưa nắm bắt hết đất thuê là của ông C và ông V đã đứng tên QSD đất nên ông có ký xác nhận vào tờ giấy này, nhưng sau này khi biết được đất đang thuê là của ông V và của ông C đứng tên sở hữu nên ông N không giao tiền thuê đất cho bà L và đến bây giờ ông N cũng không đồng ý giao tiền nào cho bà L. Tiền thuê đất năm 2024 ông sẽ tiếp tục đưa đủ cho ông V. Ông chỉ là người thuê đất, từ trước đến nay ông chỉ giao dịch với ông Trần Văn V. Hơn nữa, ông với bà L không có giao dịch thuê đất gì với nhau nên ông không có trách nhiệm gì với bà L. Do vậy ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà L.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn V trình bày: Ông là anh ruột của Trần Thị Phượng L và Trần Văn C. Phần đất bà L kiện đòi tiền thuê đất với ông N là đất trước đây do Tập Đoàn I, xã N cấp cho ông 20 công, ông L2 (anh ruột) 20 công, ông N1 (anh ruột) 20 công và ông C 20 công vào năm 1980.

Khi ấy ông được phân công làm Tập đoàn trưởng nên ông biết rỏ. Đến năm 1999 ông và các em đã được nhà nước cấp giấy chứng nhận phần đất trên. Hiện tại đất của ông L2, ông N1 đã bán cho người khác. Còn lại 20 công của ông và 20 công của ông C thì ông C ủy quyền cho ông đại diện đứng ra cho ông Trần Thanh N thuê từ khoảng năm 2011 đến nay. Giá thuê thay đổi hàng năm, nhưng đến năm 2021 đến nay giá thuê là 2.000.000đ/ 01 công/01 năm và ông N đã thanh toán tiền thuê đầy đủ. Có khi ông N đưa tiền thuê cho ông, có khi đưa cho ông C, cũng có năm đưa cho mẹ (cụ H4 lúc còn sống). Việc ông N đưa tiền cho mẹ là do ông C nhờ đưa vì ông C không trực tiếp chăm sóc bà nên ông C cho bà ½ số tiền thuê đất của ông C để bà sử dụng cá nhân khi cần. Trong vụ án này ông không có yêu cầu Tòa án giải quyết quyền lợi gì cho ông. Còn việc khởi kiện của bà L ông nhận thấy không có căn cứ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn C trình bày: Ông có phần đất ở ấp C, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu ông đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa 1147, tờ bản đồ số 24, diện tích 23.900m^2 và được UBND huyện H cấp ngày 09/8/1999, hiện ông đang quản lý giấy chứng nhận. Do ở xa nên ông ủy quyền lại cho anh ông là Trần Văn V đứng ra cho ông Trần Thanh N ấp C, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu thuê, việc cho thuê khoảng 20 năm nay, khi thuê cũng không có làm giấy tờ gì do là anh em chú bác ruột. Hàng năm ông N trả tiền cho ông V rồi ông V đưa lại ông, có khi đưa trực tiếp hết cho ông, cũng có khi ông nhờ ông N đưa trực tiếp cho mẹ (cụ Dương Thị H4, lúc còn sống) ½ số tiền thuê đất để bà sử dụng cá nhân khi cần do ông không trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng bà. Đất này trước đây tập đoàn I cấp cho cha mẹ ông là Trần Văn S1 và Dương Thị H4. Khi lập gia đình cha mẹ đã cho ông phần đất này và ông đi kê khai và đã được UBND huyện H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Không có việc cha mẹ tặng cho bà L 10 công như bà L trình bày để lấy cớ đòi tiền thuê đất và đòi đất. Việc bà L kiện ông N đòi tiền thuê đất ông không có ý kiến gì, việc này là của hai bên. Nhưng phần đất này là của ông, bà L không được quyền đứng ra cho thuê và không được quyền đòi tiền thuê phần đất này. Trong vụ án này ông không có yêu cầu Tòa án giải quyết quyền lợi gì cho ông. Còn việc khởi kiện của bà L ông nhận thấy không có căn cứ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn N1 trình bày: Cha mẹ ông có phần đất tọa lạc tại ấp C, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu do ông Trần Văn C đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa 1147, tờ bản đồ số 24, diện tích 23.900m^2 do lúc đó ông C sống cùng cha mẹ. Việc ai đứng ra cho ông N thuê phần đất này và việc giao nhận tiền thuê đất thì ông không rỏ. Nhưng lúc mẹ còn sống có di nguyện miệng để lại 10 công cho người nào phụng dưỡng thì người đó hưởng, cha và mẹ trước khi chết đều được em L chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi chết nên theo ý kiến ông thì phần đất 10 này nên cho bà L nhận và hưởng tiền thuê đất. Trong vụ án này ông không có yêu cầu Tòa án giải quyết quyền lợi gì cho ông.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Thanh H3 (ở Bạc Liêu) và ông Trần Thanh H3 (ở P) trình bày: Hai ông là anh ruột của bà Trần Thị

Phượng L và ông Trần Văn C. Việc tranh chấp hợp đồng thuê quyền sử dụng đất bà L khởi kiện xét thấy không có liên quan gì đến vụ việc này. Do phần đất tranh chấp này là do em Trần Văn C đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên em C có toàn quyền quyết định. Do đó các ông không có yêu cầu Tòa án giải quyết quyền lợi gì.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Trần Thị Tuyết G: Phan Văn S, Phan Thị L1, Phan Thị B, Phan Thị T1, Phan Thị Thành T2 cùng trình bày: Họ là con của ông Phan Văn H và Trần Thị T (chết năm 2019). Việc tranh chấp hợp đồng thuê quyền sử dụng đất bà L khởi kiện ông N xét thấy không có liên quan gì đến vụ việc này nên không có yêu cầu Tòa án giải quyết quyền lợi gì.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Trần Thị Tuyết G: Phan Văn H, Phan Văn H1, Phan Văn B1: Không có lời khai do không có mặt tại địa phương.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Trần Thanh L2 gồm: Võ Thị L3, Trần Quang K, Trần Thị H2, Trần Quang T3 không cung cấp lời khai.

Từ nội dung trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 65/2024/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm d khoản 1 Điều 39, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 158 và Điều 500 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 188 Luật đất đai năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Phượng L kiện đòi ông Trần Thanh N trả tiền thuê đất với số tiền 40.000.000 đồng.

2. Về án phí: Buộc bà Trần Thị Phượng L phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch số tiền 2.000.000 đồng. Ghi nhận bà L đã dự nộp án phí số tiền 1.000.000 đồng, theo biên lai số 0007314, ngày 25/10/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Dân nên buộc bà Trần Thị Phượng L phải nộp thêm 1.000.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Dân.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về áp dụng pháp luật thi hành án dân sự và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 08 tháng 10 năm 2024, bà Trần Thị Phượng L kháng cáo yêu cầu Toà án cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà, buộc ông Trần Thanh N trả cho bà tiền thuê đất là 40.000.000 đồng. Tại phiên toà phúc thẩm, bà L giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu phát biểu ý kiến:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử

phúc thẩm; Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị Phượng L; căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 65/2024/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2024, của Toà án nhân dân huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến trình bày của các đương sự và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu; sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về tố tụng: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa do có đơn xin vắng mặt và các đương sự vắng mặt còn lại đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do, nên xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét kháng cáo của bà Trần Thị Phượng L yêu cầu ông Trần Thanh N trả tiền thuê đất diện tích 10 công tầm cấy trong 02 năm từ năm 2022 đến năm 2023, với tổng số tiền 40.000.000 đồng; Hộ đồng xét xử xét thấy:

[4] Bà L xác định phần đất 20 công hiện ông N đang thuê có nguồn gốc của cha mẹ bà là cụ Trần Văn S1 (chết năm 2008) và cụ Dương Thị H4 (chết năm 2021); phần đất này cha mẹ bà tặng cho anh bà là ông Trần Văn C 10 công, còn lại 10 công lúc còn sống cha mẹ bà nói sau này qua đời để lại cho bà hưởng; đất tọa lạc tại ấp C, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu. Xét thấy, bà L xác định ông N thuê đất của bà nhưng bà L không cung cấp chứng cứ chứng minh ông N có thuê đất của bà, phần đất này bà L chưa từng quản lý, sử dụng; bà L xác định cha mẹ bà tặng cho bà nhưng cũng không có chứng cứ chứng minh. Trong khi ông N không thừa nhận có việc thuê đất của bà L, ông N xác định thuê đất của ông Trần Văn V và ông Trần Văn C là anh ruột của bà L từ năm 2003 đến nay.

[5] Xét thấy, phần đất bà L yêu cầu ông N trả tiền thuê đất do ông Trần Văn C đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc tại thửa 1147, tờ bản đồ số 24, diện tích 23.900m^2. Tại Công văn số 1289/UBND, ngày 18/7/2024 của Ủy ban nhân dân huyện H xác định việc ông Trần Văn C được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa 1147, tờ bản đồ số 24, diện tích 23.900m^2 là đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật.

[6] Bà L có cung cấp "Tờ xác nhận" lập ngày 19/3/2022, trong đó ông N thừa nhận có ký tên và ghi họ tên của mình. Nội dung trong tờ cam kết có đoạn viết: *"Tôi có mướn diện tích đất 23.900m^2 ở ấp C, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu của bác hai là ông Trần Văn S1 (đã mất năm 2008) và và Dương Thị H4 (đã mất năm 2021); khi bác hai còn sống có phần đất nói trên và đã cho anh Trần Văn C 10.000m^2, phần đất còn lại bác hai để dưỡng già... Trong quá trình mướn canh tác thì bác hai H4 có nói với tôi là khi nào bác hai H4 qua đời sẽ để lại*

diện tích đất 10.000m^2 cho con gái út bác hai là chế Trần Thị Phượng L- sinh năm 1969; địa chi ấp L, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu để chăm lo cho việc thờ cúng giỗ hằng năm và sữa chữa mồ mã cho bác hai tôi. Từ năm 2017 đến nay bác hai H4 đã già yếu không còn minh mẫn và thực hiện theo nguyện vọng của bác hai tôi là cho chế L diện tích đất tôi đang mướn, cho nên số tiền đất hàng năm tôi đem giao trực tiếp cho chế Trần Thị Phượng L để chăm lo cho bác hai gái tôi…".

[7] Từ nội dung "Tờ xác nhận ngày 19/3/2022", cho thấy bà L với ông N không có phát sinh giao dịch thuê quyền sử dụng đất, nên không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ với nhau. Việc ông N có cam kết các nội dung trong Tờ xác nhận nêu trên cũng không phát sinh hiệu lực. Bởi lẽ, phần đất này là của ông C do ông C đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nên ông C mới là người có toàn quyền quyết định các giao dịch liên quan đến phần đất này; ông C cũng không uỷ quyền cho ông N bất cứ nội dung gì. Mặt khác, lời trình bày của các anh bà L gồm ông Trần Văn C, Trần Văn V, Trần Văn H5 (ở P) và Trần Văn H5 (ở Bạc Liêu) đều xác định phần đất bà L đòi ông N trả tiền thuê là đất của ông C, không phải đất cha mẹ cho bà L. Do đó, việc bà L khởi kiện yêu cầu ông Trần Thanh N trả tiền thuê đất trong 02 năm (từ năm 2022 đến năm 2023) với số tiền 40.000.000 đồng là không có căn cứ chấp nhận.

[8] Từ những nhận định nêu trên, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị Phượng L; có căn cứ chấp nhận ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên về việc đề nghị căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị Phượng L; Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 65/2024/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu.

[9] Án phí dân sự phúc thẩm, bà Trần Thị Phượng L phải chịu theo quy định của pháp luật.

[10] Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật; Hội đồng xét xử phúc thẩm không đặt ra xem xét giải quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Đều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị Phượng L. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 65/2024/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2024, của Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu.

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm d khoản 1 Điều 39, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 158 và Điều 500 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 188 Luật đất đai năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14

ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Phượng L về việc yêu cầu ông Trần Thanh N trả tiền thuê đất với số tiền 40.000.000 đồng.

2. Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Bà Trần Thị Phượng L phải nộp 2.000.000 đồng. Bà L đã nộp tạm ứng án phí 1.000.000 đồng theo biên lai thu số 0007314, ngày 25/10/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí. Bà Trần Thị Phượng L còn phải nộp tiếp 1.000.000 đồng.

Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Trần Thị Phượng L phải nộp 300.000 đồng. Bà L đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0007909 ngày 11/10/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- TAND huyện Hồng Dân;
- CCTHADS huyện Hồng Dân;
- Đương sự;
- Lưu, Tổ HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Thanh Dũng